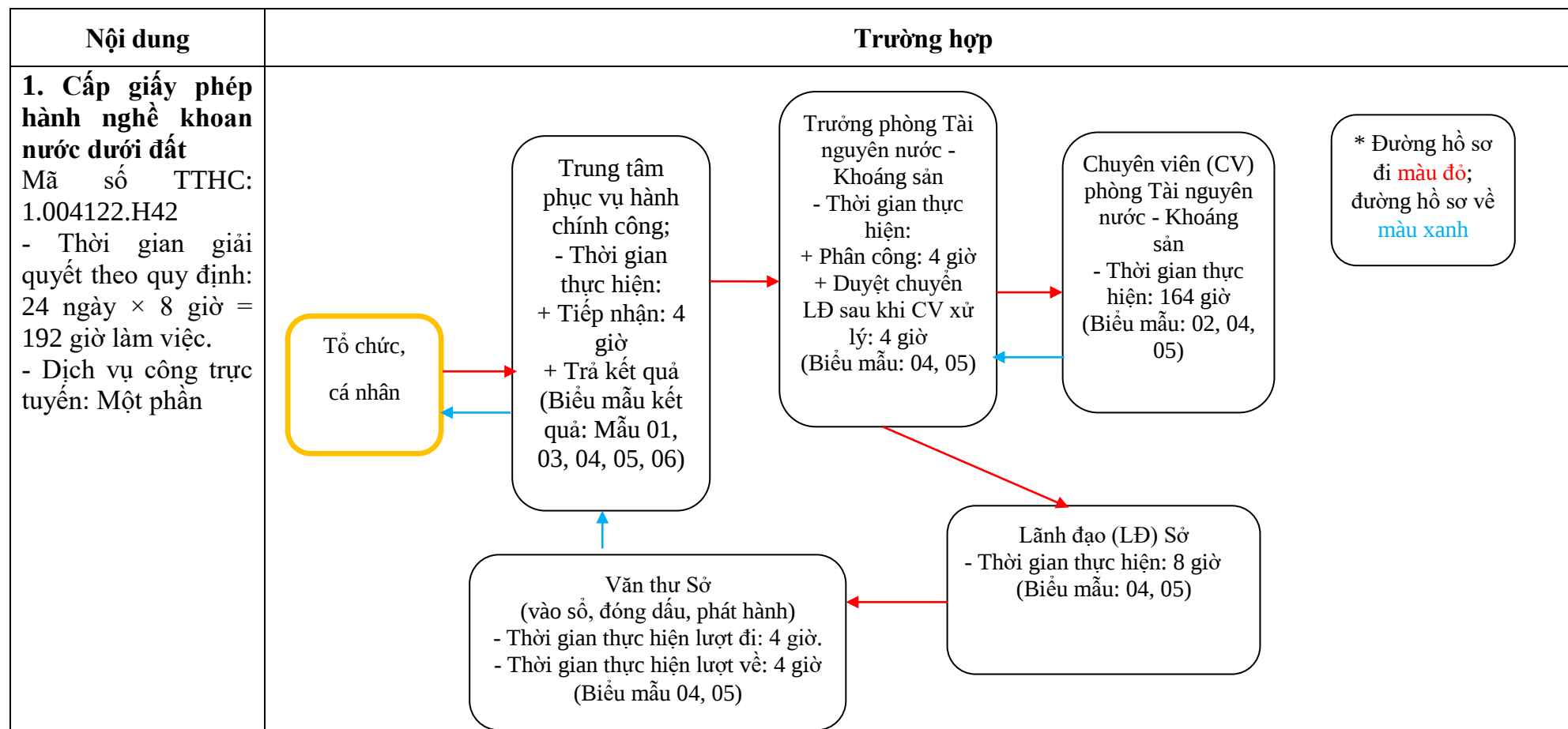
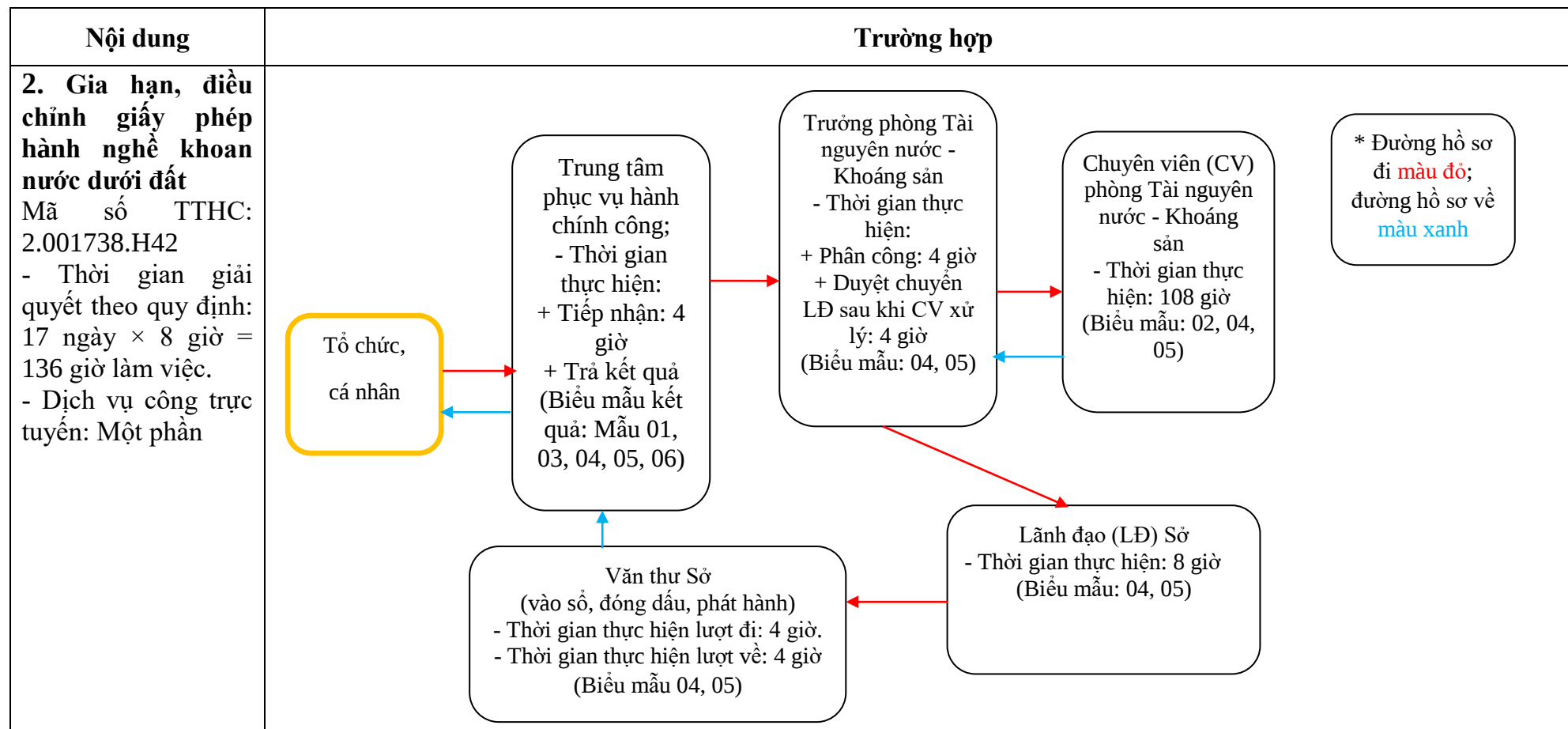
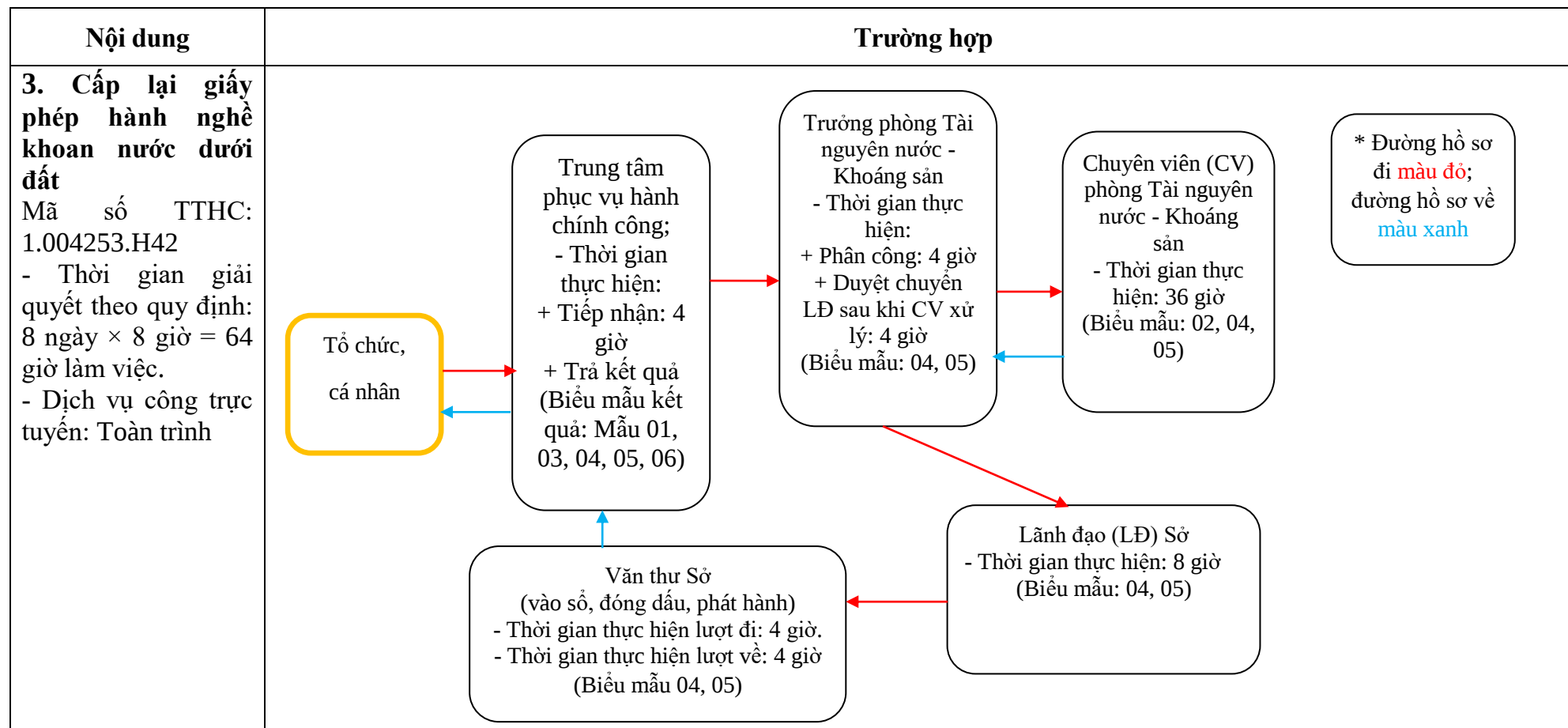


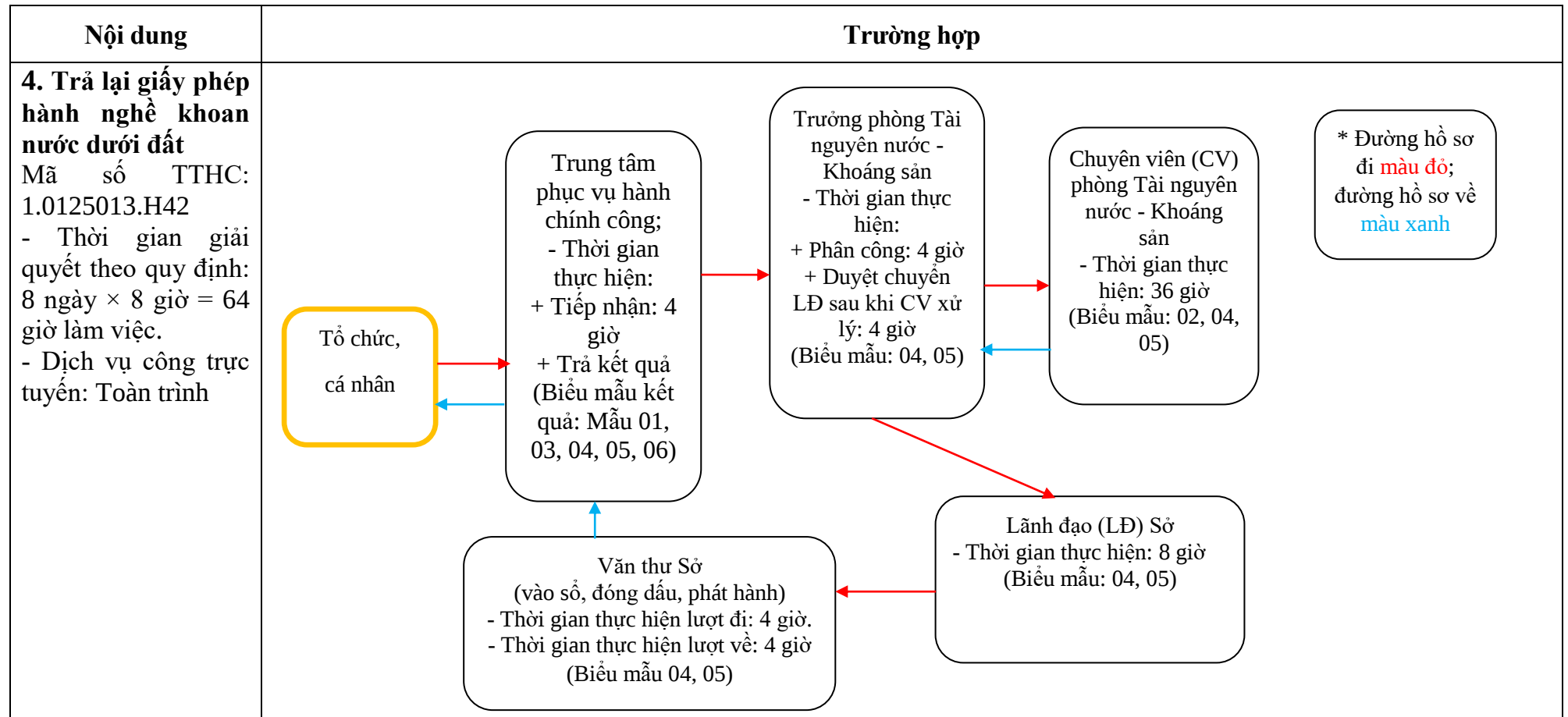
PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH NINH BÌNH

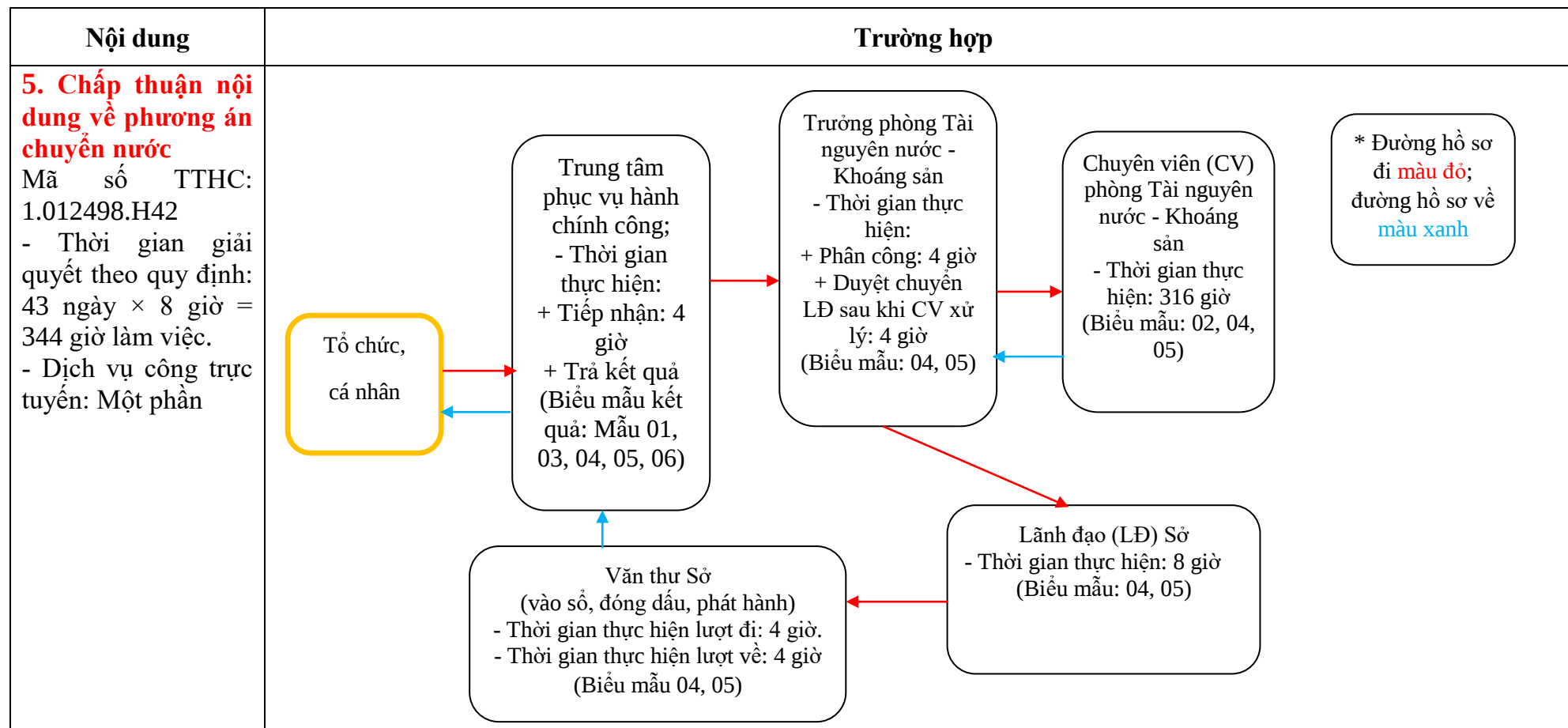
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

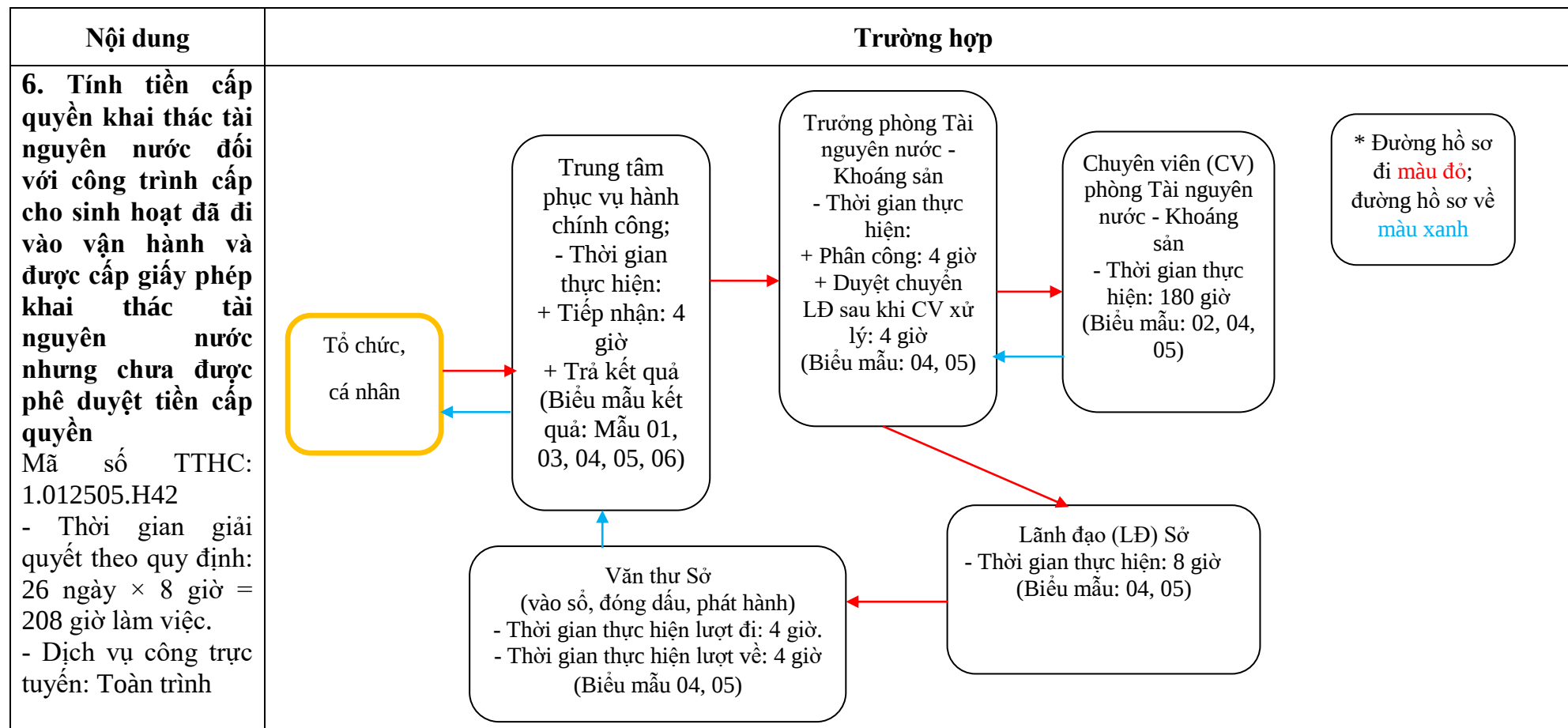


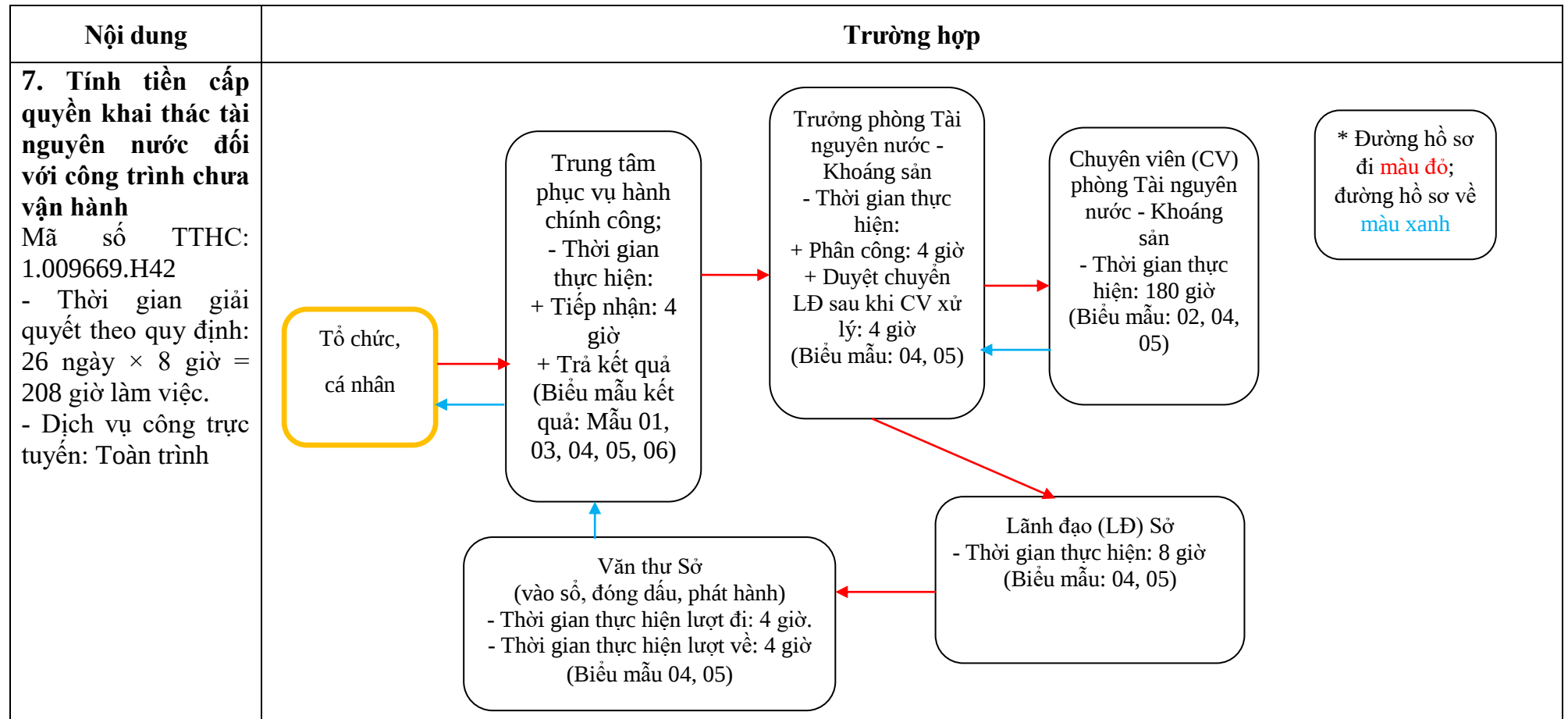


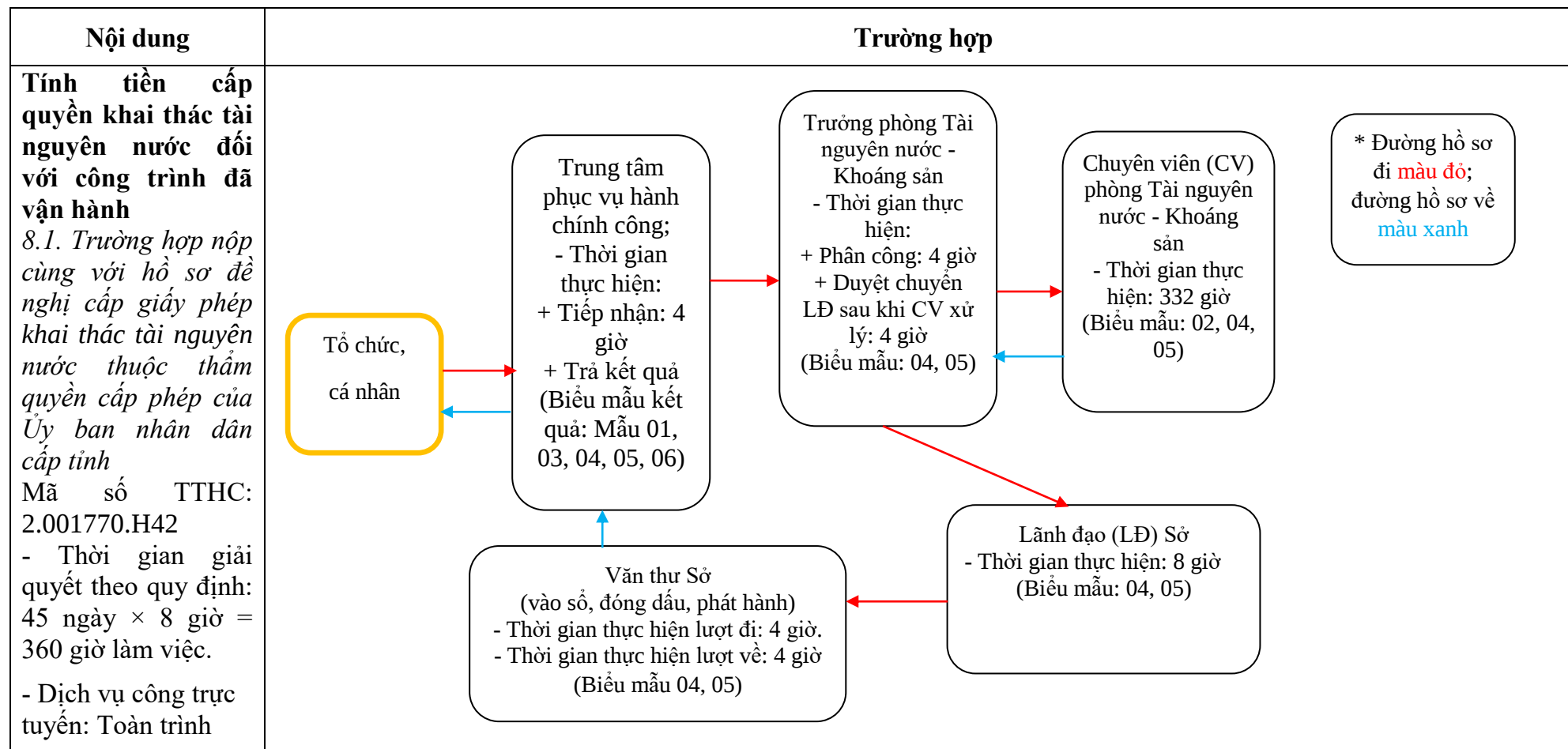




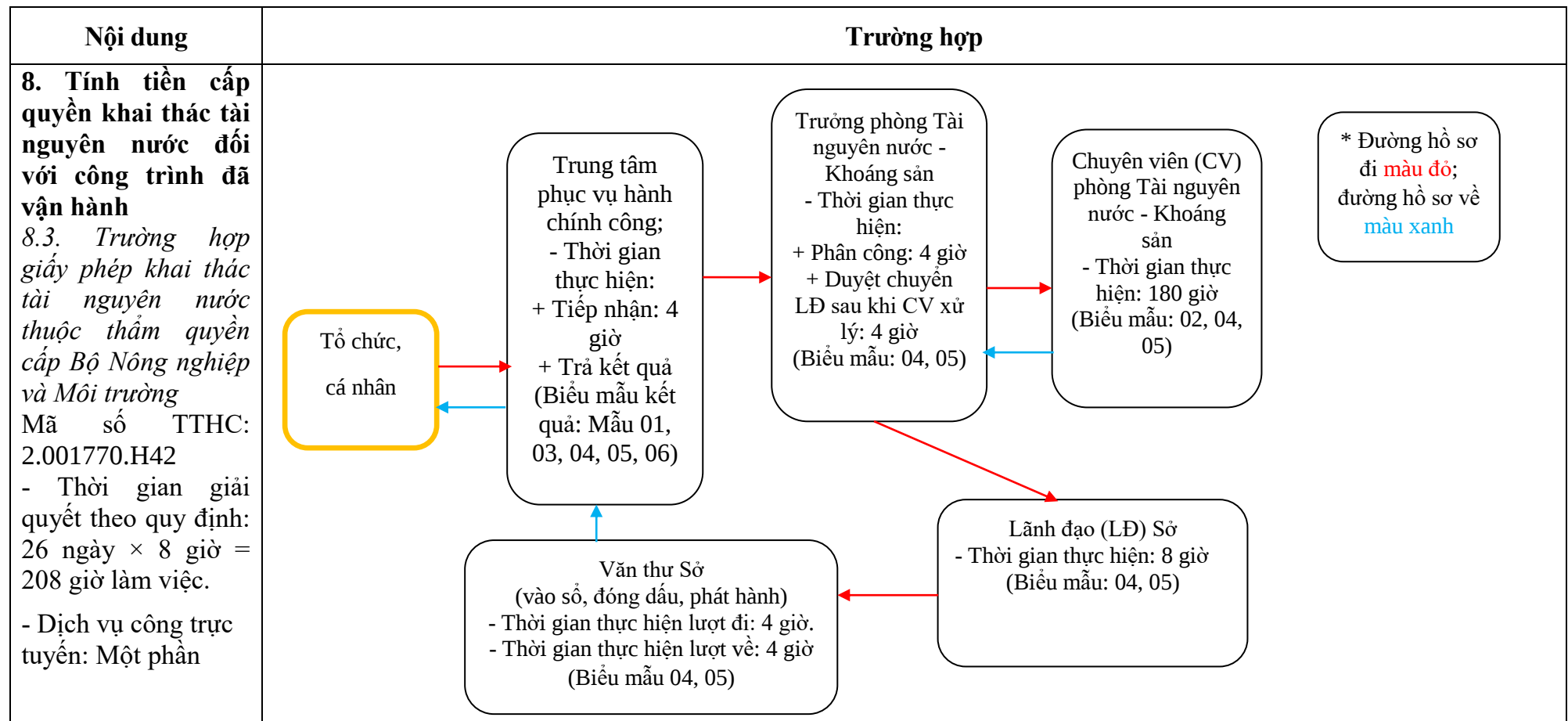


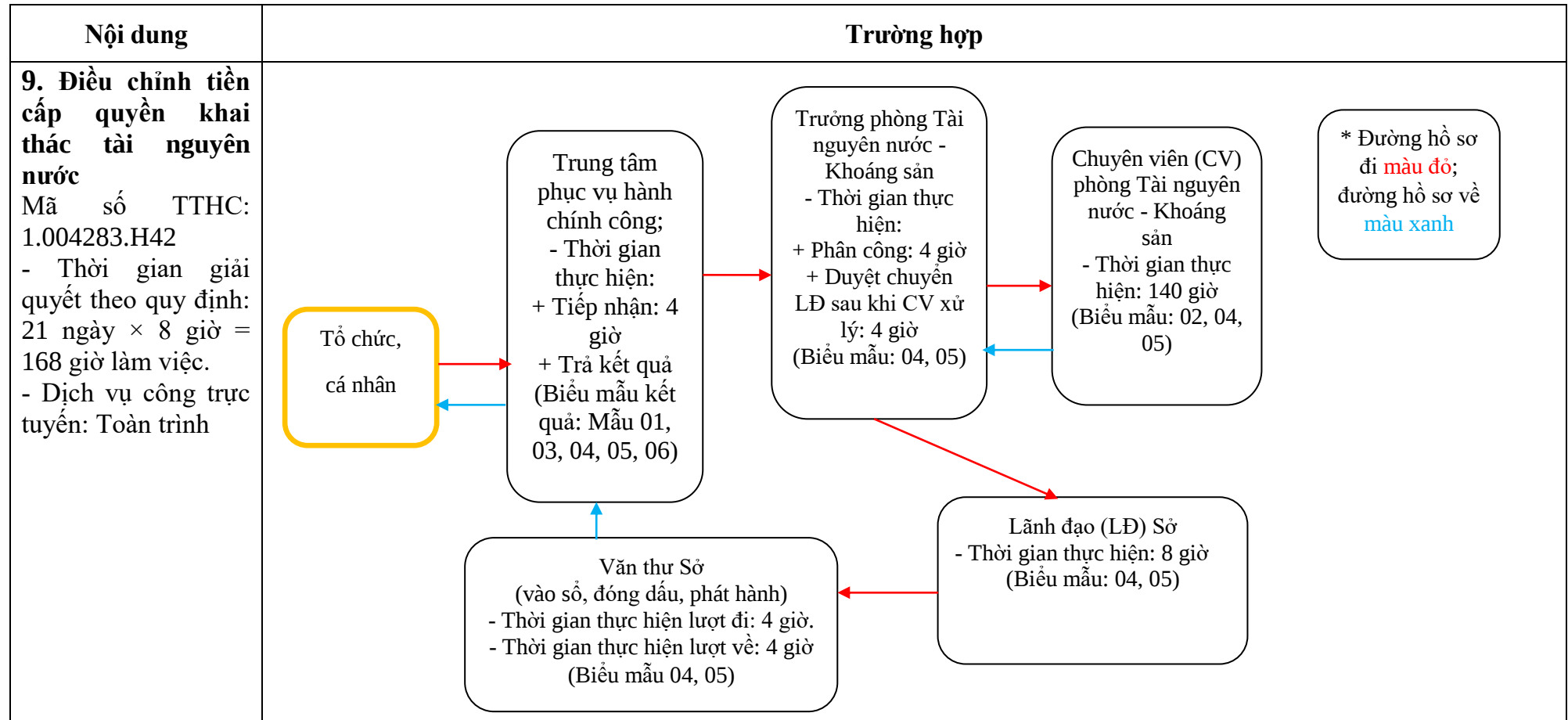


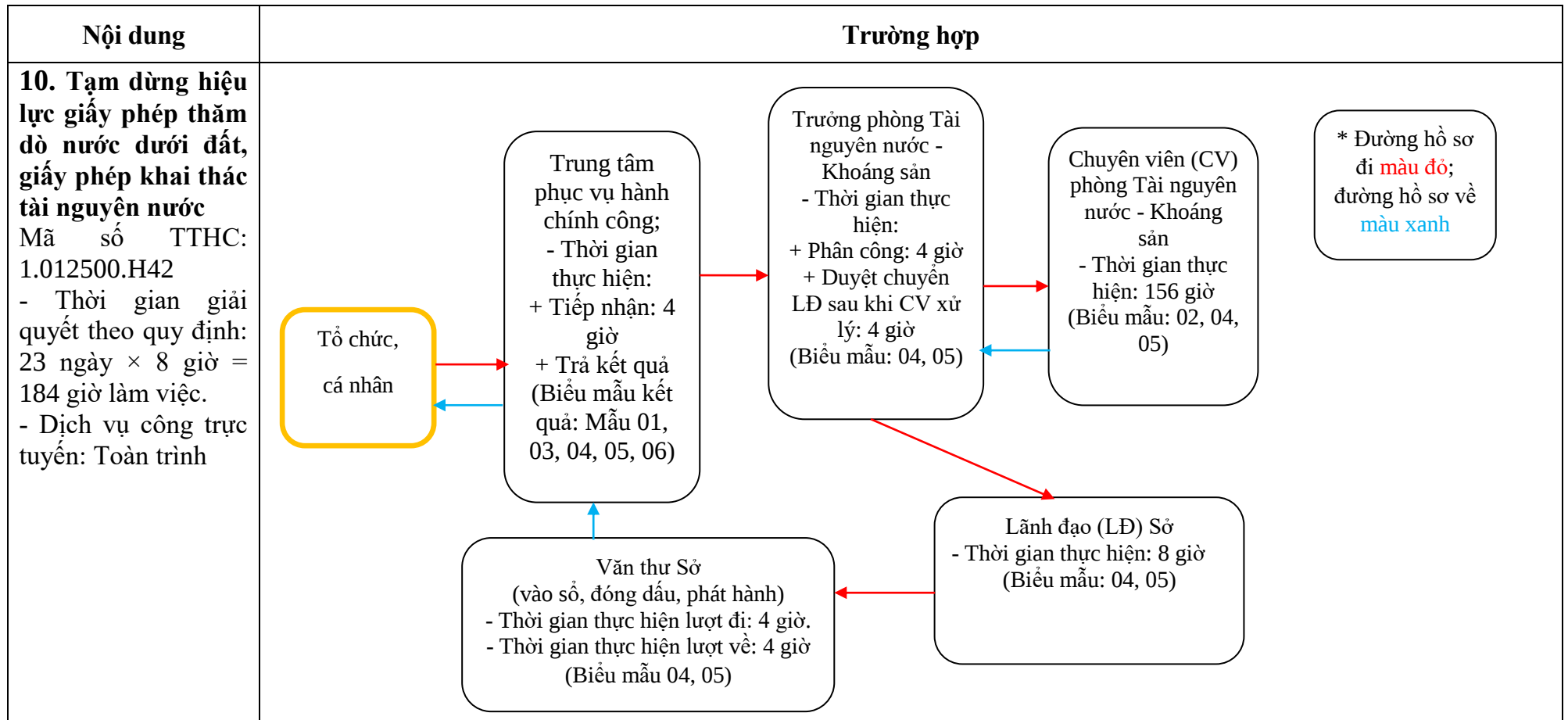


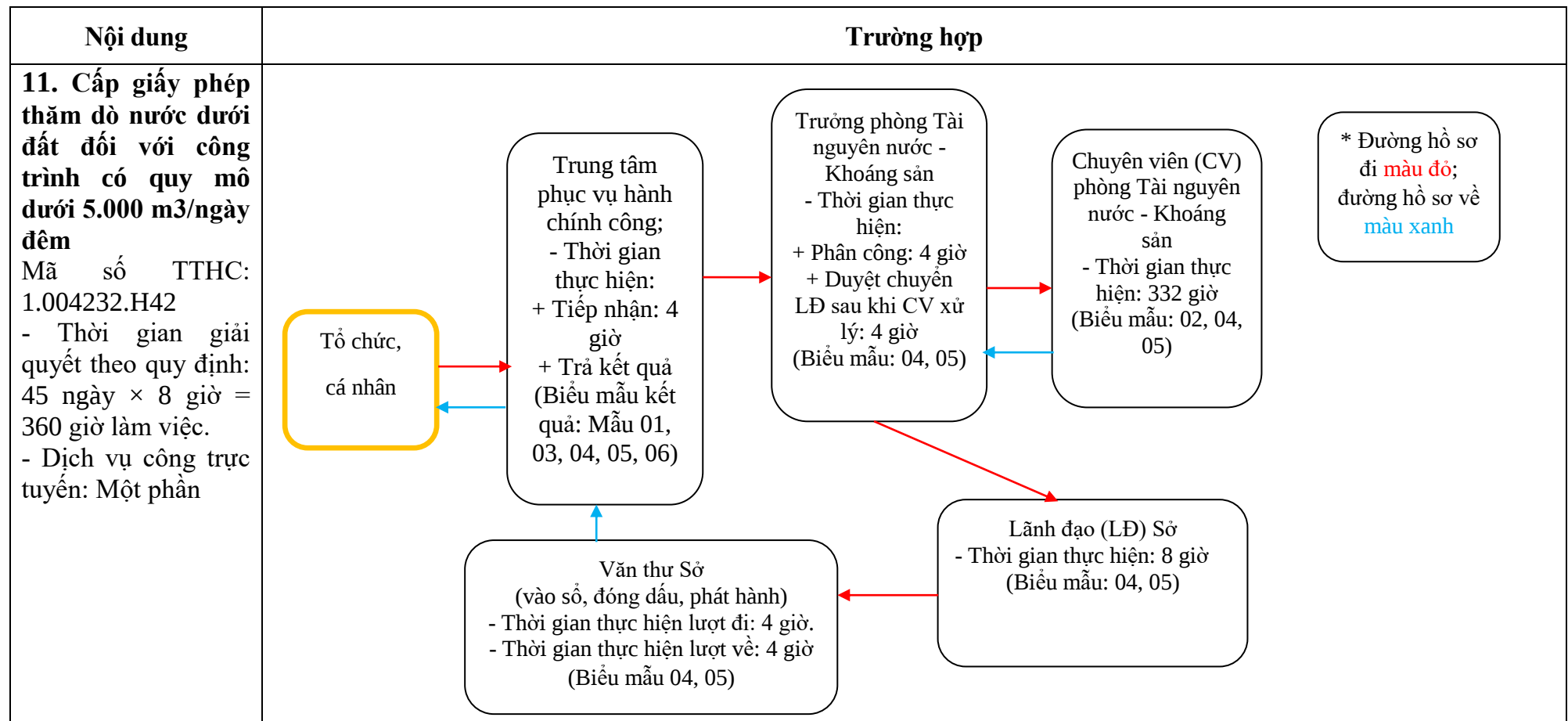


Nội dung	Trường hợp
8. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành 8.2. Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.001770.H42 - Thời gian giải quyết theo quy định: 38 ngày × 8 giờ = 304 giờ làm việc. - Dịch vụ công trực tuyến: Toàn trình	<pre> graph TD TC[Tổ chức, cá nhân] -- red --> TT[Trung tâm phục vụ hành chính công; - Thời gian thực hiện: + Tiếp nhận: 4 giờ + Trả kết quả (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 01, 03, 04, 05, 06)] TT -- red --> TRP[Trưởng phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: + Phân công: 4 giờ + Duyệt chuyển LĐ sau khi CV xử lý: 4 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] TRP -- red --> CV[Chuyên viên (CV) phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: 276 giờ (Biểu mẫu: 02, 04, 05)] CV -- blue --> TRP TRP -- red --> LD[Lãnh đạo (LĐ) Sở - Thời gian thực hiện: 8 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] LD -- red --> VTS[Văn thư Sở (vào sổ, đóng dấu, phát hành) - Thời gian thực hiện lượt đi: 4 giờ. - Thời gian thực hiện lượt về: 4 giờ (Biểu mẫu 04, 05)] VTS -- blue --> TT </pre> Trung tâm phục vụ hành chính công; - Thời gian thực hiện: + Tiếp nhận: 4 giờ + Trả kết quả (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 01, 03, 04, 05, 06) Trưởng phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: + Phân công: 4 giờ + Duyệt chuyển LĐ sau khi CV xử lý: 4 giờ (Biểu mẫu: 04, 05) Chuyên viên (CV) phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: 276 giờ (Biểu mẫu: 02, 04, 05) Lãnh đạo (LĐ) Sở - Thời gian thực hiện: 8 giờ (Biểu mẫu: 04, 05) Văn thư Sở (vào sổ, đóng dấu, phát hành) - Thời gian thực hiện lượt đi: 4 giờ. - Thời gian thực hiện lượt về: 4 giờ (Biểu mẫu 04, 05) Tổ chức, cá nhân * Đường hồ sơ đi màu đỏ; đường hồ sơ về màu xanh





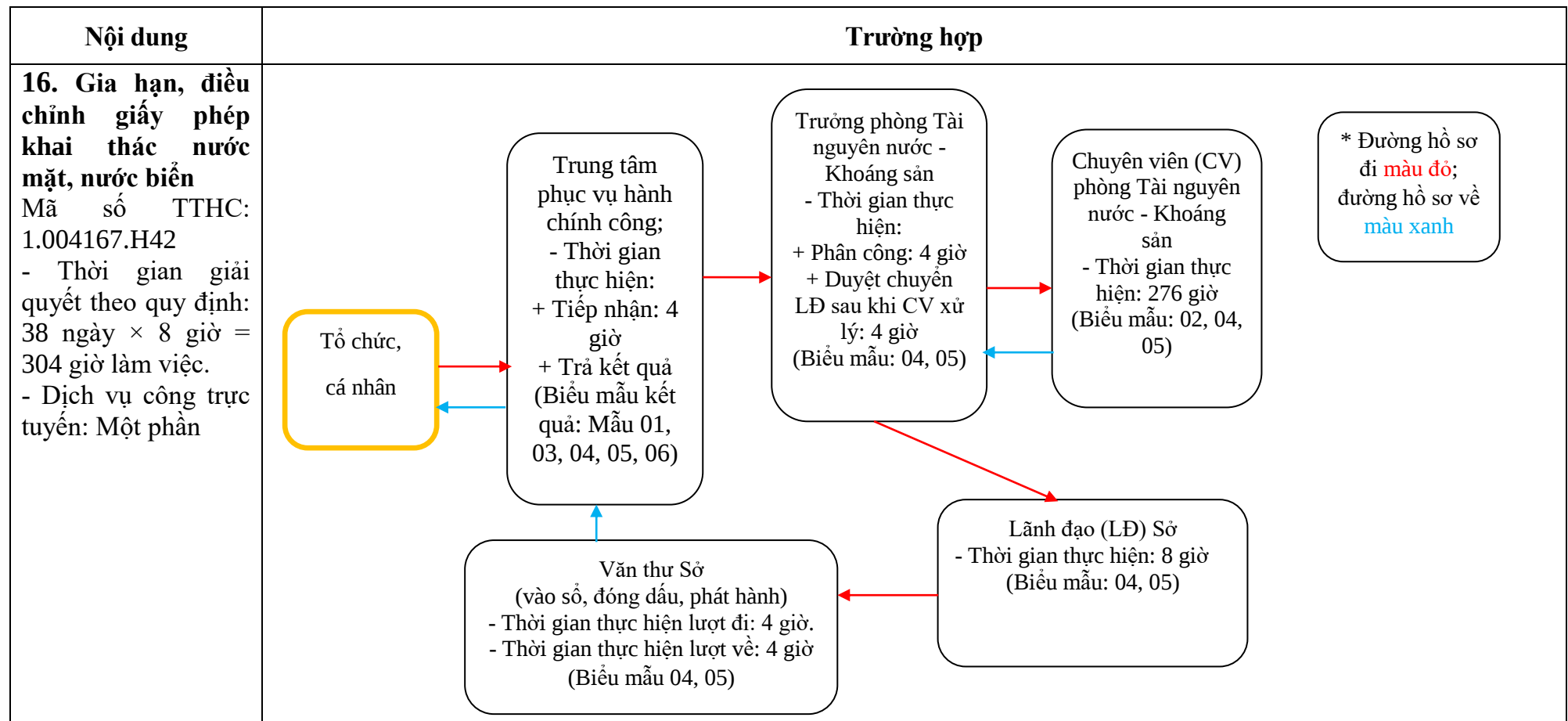


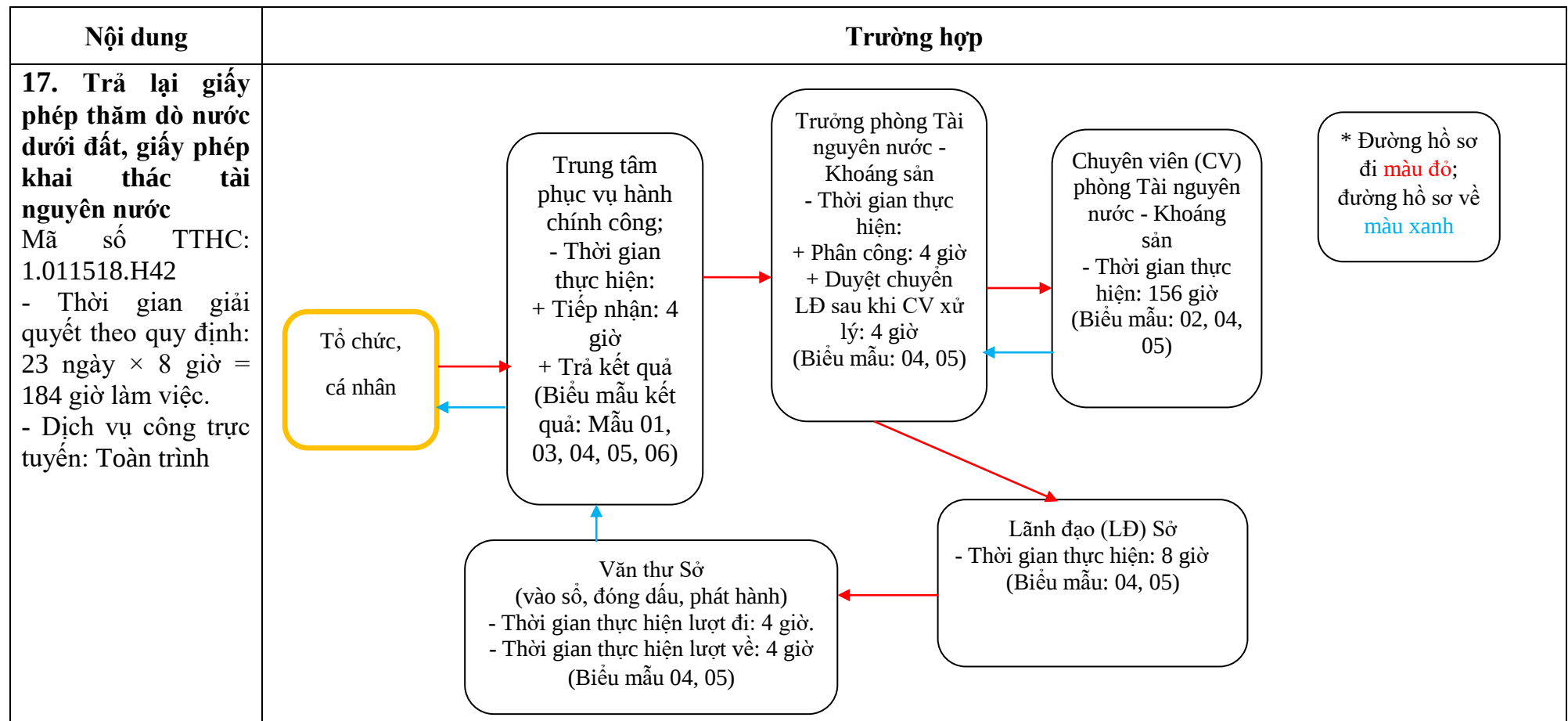


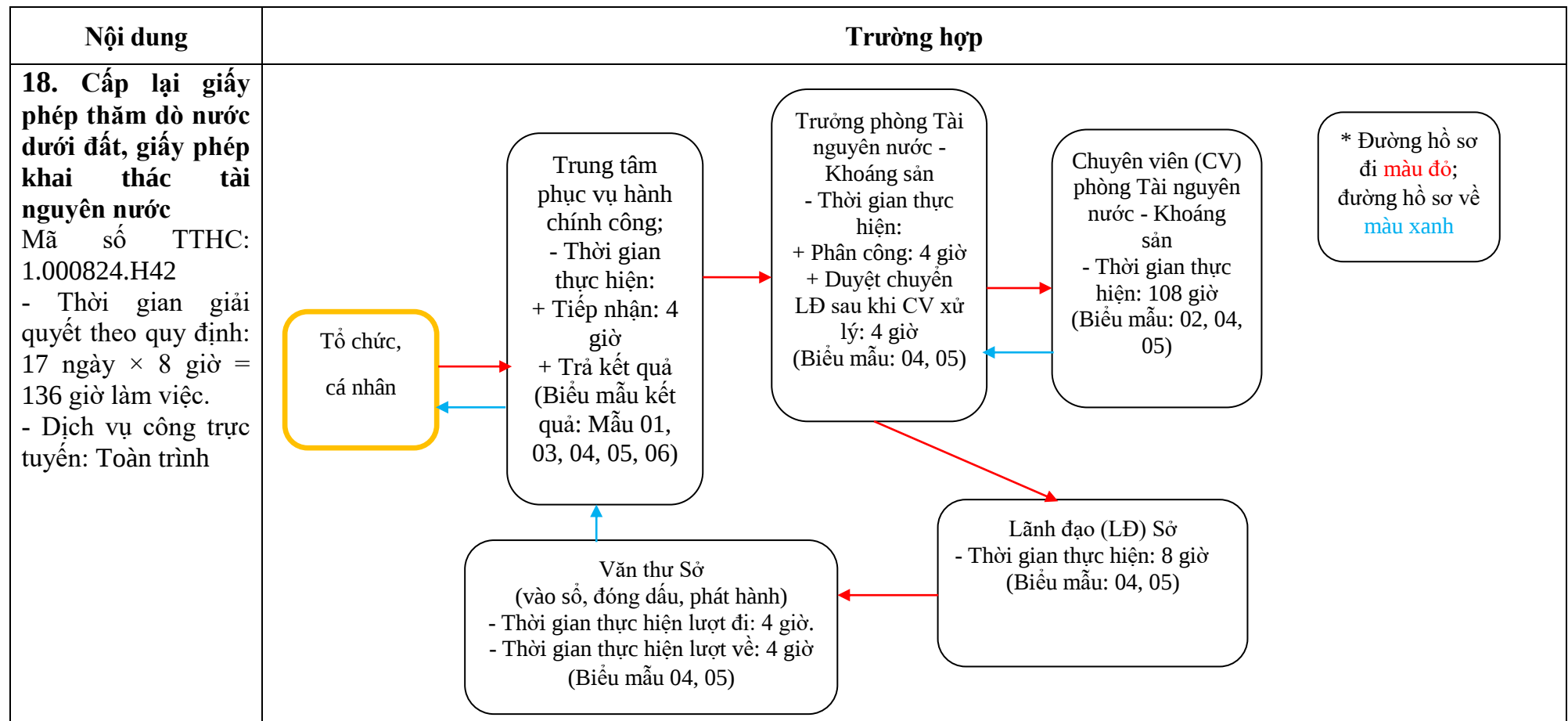
Nội dung	Trường hợp
12. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm Mã số TTHC: 1.004228.H42 - Thời gian giải quyết theo quy định: 38 ngày × 8 giờ = 304 giờ làm việc. - Dịch vụ công trực tuyến: Một phần	<pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] -- red --> B[Trung tâm phục vụ hành chính công; - Thời gian thực hiện: + Tiếp nhận: 4 giờ + Trả kết quả (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 01, 03, 04, 05, 06)] B -- blue --> C[Văn thư Sở (vào sổ, đóng dấu, phát hành) - Thời gian thực hiện lượt đi: 4 giờ. - Thời gian thực hiện lượt về: 4 giờ (Biểu mẫu 04, 05)] C -- red --> D[Lãnh đạo (LĐ) Sở - Thời gian thực hiện: 8 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] B -- red --> E[Trưởng phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: + Phân công: 4 giờ + Duyệt chuyên LĐ sau khi CV xử lý: 4 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] E -- red --> F[Chuyên viên (CV) phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: 276 giờ (Biểu mẫu: 02, 04, 05)] F -- blue --> E F -- red --> D </pre> Trung tâm phục vụ hành chính công; - Thời gian thực hiện: + Tiếp nhận: 4 giờ + Trả kết quả (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 01, 03, 04, 05, 06) Trưởng phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: + Phân công: 4 giờ + Duyệt chuyên LĐ sau khi CV xử lý: 4 giờ (Biểu mẫu: 04, 05) Chuyên viên (CV) phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: 276 giờ (Biểu mẫu: 02, 04, 05) Lãnh đạo (LĐ) Sở - Thời gian thực hiện: 8 giờ (Biểu mẫu: 04, 05) Văn thư Sở (vào sổ, đóng dấu, phát hành) - Thời gian thực hiện lượt đi: 4 giờ. - Thời gian thực hiện lượt về: 4 giờ (Biểu mẫu 04, 05) Tổ chức, cá nhân * Đường hồ sơ đi màu đỏ; đường hồ sơ về màu xanh

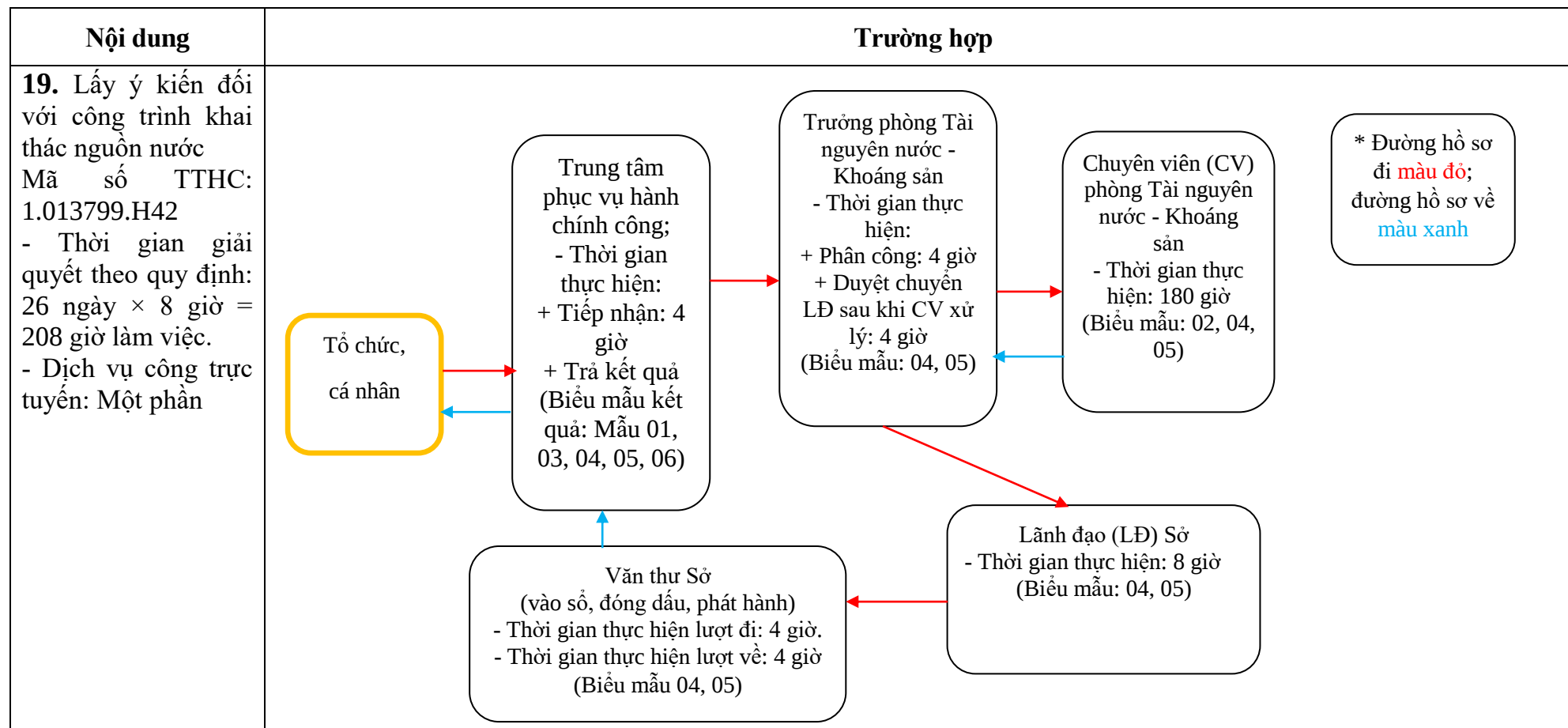
Nội dung	Trường hợp
13. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm Mã số TTHC: 1.004223.H42 - Thời gian giải quyết theo quy định: 45 ngày × 8 giờ = 360 giờ làm việc. - Dịch vụ công trực tuyến: Một phần	<pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] -- red --> B[Trung tâm phục vụ hành chính công; - Thời gian thực hiện: + Tiếp nhận: 4 giờ + Trả kết quả (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 01, 03, 04, 05, 06)] B -- red --> C[Trưởng phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: + Phân công: 4 giờ + Duyệt chuyên LĐ sau khi CV xử lý: 4 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] C -- red --> D[Chuyên viên (CV) phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: 332 giờ (Biểu mẫu: 02, 04, 05)] D -- blue --> B C -- red --> E[Lãnh đạo (LĐ) Sở - Thời gian thực hiện: 8 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] E -- red --> F[Văn thư Sở (vào sổ, đóng dấu, phát hành) - Thời gian thực hiện lượt đi: 4 giờ. - Thời gian thực hiện lượt về: 4 giờ (Biểu mẫu 04, 05)] F -- blue --> B </pre> * Đường hồ sơ đi màu đỏ; đường hồ sơ về màu xanh

Nội dung	Trường hợp
15. Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025) Mã số TTHC: 1.004179.H42 - Thời gian giải quyết theo quy định: 45 ngày × 8 giờ = 360 giờ làm việc. - Dịch vụ công trực tuyến: Một phần	<pre> graph TD TC[Tổ chức, cá nhân] -- red --> TT[Trung tâm phục vụ hành chính công - Thời gian thực hiện: 4 giờ + Tiếp nhận: 4 giờ + Trả kết quả (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 01, 03, 04, 05, 06)] TT -- blue --> TC TT -- red --> TR[Trưởng phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: 4 giờ + Phân công: 4 giờ + Duyệt chuyên LĐ sau khi CV xử lý: 4 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] TR -- red --> CV[Chuyên viên (CV) phòng Tài nguyên nước - Khoáng sản - Thời gian thực hiện: 332 giờ (Biểu mẫu: 02, 04, 05)] CV -- blue --> TR TR -- red --> LD[Lãnh đạo (LĐ) Sở - Thời gian thực hiện: 8 giờ (Biểu mẫu: 04, 05)] LD -- red --> VTS[Văn thư Sở (vào sổ, đóng dấu, phát hành) - Thời gian thực hiện lượt đi: 4 giờ - Thời gian thực hiện lượt về: 4 giờ (Biểu mẫu 04, 05)] VTS -- blue --> TT </pre> * Đường hồ sơ đi màu đỏ; đường hồ sơ về màu xanh









B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Nội dung	Trường hợp
1. Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất Mã số TTHC: 1.001662.H42 - Thời gian giải quyết theo quy định: 8 ngày × 8 giờ = 64 giờ làm việc. - Dịch vụ công trực tuyến: Toàn trình	<pre> graph LR TC[Tổ chức, cá nhân] --> TT[Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã] TT --> LP[Liên đạo phòng chuyên môn] LP --> CV[Chuyên viên CV phòng chuyên môn] CV --> LP LP --> LUBND[Liên đạo UBND xã] LUBND --> BV[Bộ phận Văn thư] BV --> TT </pre> Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã; - Nộp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; - Thời gian thực hiện + Tiếp nhận: 4 giờ + Thu phí và trả kết quả (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 01, 03, 04, 05, 06) Liên đạo phòng chuyên môn: - Thời gian thực hiện: + Phân công: 2 giờ - Ký nháy: 2 giờ (Biểu mẫu kết quả: Mẫu 04, 05) Chuyên viên (CV) phòng chuyên môn - Thời gian thực hiện: 40 giờ (Biểu mẫu: 02, 04, 05) Liên đạo UBND xã - Thời gian thực hiện: 8 giờ (Biểu mẫu: 04, 05) Bộ phận Văn thư (vào sổ, đóng dấu, phát hành) - Thời gian thực hiện lượt đi: 4 giờ. - Thời gian thực hiện lượt về: 4 giờ (Biểu mẫu 04, 05) * Đường hồ sơ đi màu đỏ; đường hồ sơ về màu xanh

